

Bản án số: 72/2023/DS-ST
Ngày: 28- 3 - 2023
V/v: “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Thành Viên

bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tuyền – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022; về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Võ Thị N, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; địa chỉ nhận thư: Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền của bà N: ông Đỗ Văn N, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Hoàng Đông T, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; cùng địa chỉ liên lạc: Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (bà T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; ông N có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH SX – TM VÀ DỊCH VỤ A; địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Hà Đàm D, sinh năm 1979; địa chỉ: Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Cuối năm 2021, bà N hợp tác làm ăn, cung cấp nguyên liệu để sản xuất gỗ tròn cho Công ty TNHH SX – TM VÀ DỊCH VỤ A (sau đây gọi tắt là Công ty A). Đến tháng 01 năm 2022, Công ty A nợ bà N tiền hàng là 372.525.000 đ (ba trăm bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) do không thanh toán đúng hạn. Vì vậy, bà N đã có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để yêu cầu Công ty A và người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Đàm D thanh toán tiền nợ.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, UBND xã Tân Phú mở cuộc họp giữa bà N và Công ty A, ông Võ Bá V (chức vụ quản lý xưởng mộc của Công ty A tại xã Tân Phú) là người được Công ty A cử đến để làm việc. Tại buổi họp ông V đã thừa nhận số nợ và hẹn thanh toán toàn bộ số nợ trong vòng 06 tháng, tương đương hạn chót là 21/6/2022.

Sau 08 tháng từ buổi làm việc trên nhưng Công ty A vẫn chưa thanh toán số nợ trên cho bà N, mặc dù bà N đã nhiều lần liên lạc với Công ty A yêu cầu thanh toán. Vì vậy, bà N làm đơn kiện yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

Thứ nhất, Công ty A thanh toán tiền hàng còn nợ bà N là: 372.525.000 đ (ba trăm bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Thứ hai, Công ty A thanh toán lãi suất chậm trả, tạm tính từ ngày 21/6/2022 đến 28/03/2023 với lãi suất 10%/12 tháng (tương đương 0,83%/tháng), cụ thể tính như sau: $(372.525.000 \text{ đ} \times 0,83\%) \times 9 \text{ tháng} + 7 \text{ ngày tiền lãi} = 28.663.729 \text{ đ}$ (hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng).

Tổng cộng số tiền mà Công ty A phải trả là: 401.188.729 đ (bốn trăm lẻ một triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà N có giao gỗ cho Công ty TNHH SX – TM VÀ DỊCH VỤ A (sau đây gọi tắt là Công ty A), hiện Công ty A còn nợ tiền gốc là 372.525.000 đồng và tiền lãi. Do bên nợ không trả tiền nên bà N khởi kiện, quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về quyền đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty A có trụ sở tại địa chỉ: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn tới Tòa án để giải quyết vụ án. Do bị đơn không tới Tòa theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết

định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: theo Biên bản ngày 21 tháng 01 năm 2022 lập tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thì việc Công ty A còn nợ bà N số tiền mua gỗ nêu trên là có thật. Nguyên đơn yêu cầu Công ty A phải trả ngay tổng số tiền gốc và lãi: 401.188.729 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 166, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty A phải trả cho bà N số tiền gốc và lãi chậm trả là 401.188.729 đ (bốn trăm lẻ một triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng), trả ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty A chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty A còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà Võ Thị N số tiền 9.468.344 đ (chín triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0049332 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Công ty A phải chịu án phí là 20.047.549 đ (hai mươi triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi chín đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Công ty TNHH SX – TM VÀ DỊCH VỤ A còn nợ tiền bà Võ Thị N từ việc mua gỗ, tổng số tiền là 401.188.729 đồng, trong đó 372.525.000 đồng là nợ gốc, 28.663.729 đồng là nợ lãi chậm trả tính từ ngày 21/6/2022 đến ngày xét xử.

Buộc Công ty TNHH SX – TM VÀ DỊCH VỤ A phải trả bà Võ Thị N số tiền 401.188.729 đ (bốn trăm lẻ một triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng), trả ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH SX – TM VÀ DỊCH VỤ A chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH SX – TM VÀ DỊCH VỤ A còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà Võ Thị N số tiền 9.468.344 đ (chín triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0049332 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Công ty TNHH SX – TM VÀ DỊCH VỤ A phải chịu án phí là 20.047.549 đ (hai mươi triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi chín đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn